

Triệu Sơn, ngày 23 tháng 7 năm 2024

Số: 631/KD - BVTS

V/v đề nghị cung cấp báo giá hàng hóa, dịch vụ.

Kính gửi: Công ty các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn đang triển khai các thủ tục đầu tư mua sắm nhằm phục vụ các hoạt động của đơn vị năm 2024 theo kế hoạch.

Được biết Quý Công ty có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với công việc nêu trên, kính mời Quý Công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá hàng hóa, dịch vụ với các yêu cầu sau đây:

- Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp:
Theo bảng phụ lục chi tiết kèm theo.

- Báo giá cần phải mô tả chi tiết cấu hình, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chào, đáp ứng yêu cầu, kèm theo các thông tin về xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất và phải bao gồm đầy đủ các điều kiện, điều khoản thương mại kèm theo tối thiểu như: Hiệu lực báo giá; đã gồm đầy đủ thuế, phí liên quan; thời gian bàn giao hàng hóa dịch vụ; thời gian bảo hành; các điều khoản tạm ứng, thanh toán;

- Báo giá xin gửi về địa chỉ dưới đây trước 17h ngày 02/8/2024

+ Ông: Nguyễn Hùng Hải, trưởng Khoa Dược

+ Số điện thoại: 0914.322.584 ; Email: bvtsduoc@gmail.com

- Nhận trực tiếp tại : Khoa Dược – Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn,
Địa chỉ: 992 Lê Thái Tổ, Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: Khoa Dược

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hân

Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp
(Kèm theo văn bản số: 631 ngày 02/8/2024 của Giám đốc bệnh viện đa khoa
huyện Triệu Sơn)

Stt	Tên danh mục hàng hóa, dịch vụ cung cấp	Mô tả chi tiết cấu hình, yêu cầu kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	03039773190 CHOL HICO GEN.2 400T COBAS C	R1 Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; cholesterol esterase (Pseudomonas spec.): ≥ 25 μkat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μkat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B	4.000	Test
2	04404483190 GLUC HK G3. 800T COBAS C	R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nắm men): ≥ 300 μkat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C	3.200	Test
3	03263991190 C- pack CRE Plus G2, 250Tests	R1 Đệm TAPS (N-Tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid): 30 mmol/L, pH 8.1; creatinase (vi sinh): ≥ 332 μkat/L; sarcosine oxidase (vi sinh): ≥ 132 μkat/L; ascorbate oxidase (vi sinh): ≥ 33 μkat/L; catalase (vi sinh): ≥ 1.67 μkat/L; HTIB: 1.2 g/L; chất tẩy; chất bảo quản R3 Đệm TAPS: 50 mmol/L, pH 8.0; creatininase (vi sinh): ≥ 498 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 16.6 μkat/L; 4-aminophenazone: 0.5 g/L; kali hexacyanoferrate (II): 60 mg/L; chất tẩy; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.	3.000	Test
4	20767107322 TRIGL 250T COBAS C/INTEGRA	R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μkat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μkat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μkat/L; chất bảo quản, chất ổn định R1 vào vị trí B.	1.500	Test
5	03183807190 UA G2 400T COBAS C/INTEGRA	R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) ≥ 83.5 μkat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) ≥ 83.4 μkat/L (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) ≥ 50 μkat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.	400	Test



6	20764957322 ALTL, COBAS C/INTEGRA 500T	R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): $\geq 45 \mu\text{kat/L}$; chất ổn định; chất bảo quản R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; chất phụ gia; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C	5.500	Test
7	20764949322 ASTL, COBAS C/INTEGRA 500T	R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): $\geq 24 \mu\text{kat/L}$; LDH (vi sinh): $\geq 48 \mu\text{kat/L}$; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản R3: NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản (STAT R2) R1 vào vị trí B và R3 (STAT R2) vào vị trí C.	5.500	Test
8	04460715190 UREAL COBAS C/INTEGRA 500T	R1 NaCl 9 % R2 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300 \mu\text{kat/L}$; GLDH (gan bò): $\geq 80 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng R1 vào vị trí C và R2 vào vị trí B	5.500	Test
9	UREA/BUN-UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Thành phần: A. Thuốc thử chứa: dung dịch đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease $> 140 \text{ U/mL}$; glutamat dehydrogenase $> 140 \text{ U/mL}$; ethylenglycol 220 g/L; natri azid 9,5 g/L; pH 8,0. B. Thuốc thử chứa: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L. S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinin: Glucose 100 mg/dL, urea 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước	1.435	ml
10	04813707001 HALOGEN LAMP	Đèn halogen, nguồn điện: 12V, công suất: 50W	1	Cái
11	12V/20W HALOGEN LAMP (5 UNITS)	Bóng đèn máy sinh hóa 12V/20W	1	Cái